

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Bình Phước năm 2025 và các năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-BKHCHN ngày 24/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Khung Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2680/TTr-SKHCHN ngày 09/12/2024,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Bình Phước năm 2025 và các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Cải thiện, nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Bình Phước năm 2025 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương về Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

##### 2. Yêu cầu

- Triển khai một cách đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đề ra các giải pháp để xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Từng bước cải thiện và nâng cao điểm số các chỉ số thành phần thuộc Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh, trong đó tập trung nâng cao điểm số các chỉ số về thu hút đầu tư, đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ và tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, an toàn cho doanh nghiệp, người dân và các nhà đầu

tư, phát triển bền vững, phấn đấu đưa Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh vào nhóm khá cả nước.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Phấn đấu năm 2025, tỉnh Bình Phước tăng từ 2 - 3 bậc trong xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương so với năm 2024.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần: “Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bao gồm: (1) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đổi mới công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; tài sản trí tuệ; phát triển thị trường công nghệ; (2) Số tổ chức khoa học và công nghệ trên 10.000 dân; (3) Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D); (4) Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp; (5) Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; (6) Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO, nhóm chỉ số “Tài sản vô hình; (7) Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ và đủ điều kiện là doanh nghiệp; (8) Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường công nghệ, hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hệ sinh thái khởi nghiệp.

- Tham mưu phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phối hợp tham mưu các giải pháp nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

### **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì tham mưu tổ chức đa dạng, hiệu quả các cuộc thi thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ cho học sinh trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) trong tỉnh; tuyên truyền, khuyến khích nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh THCS và THPT tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

- Phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tham mưu các giải pháp nâng cao số lượng học sinh tham gia và chất lượng, hiệu quả cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng hằng năm.

- Tiếp tục tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách trong giáo dục và đào tạo, tăng cường đầu tư cho ngành và có các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án của ngành giáo dục và đào tạo.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp vào tỉnh, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án có công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghiệp công nghệ cao.

- Tham mưu triển khai các giải pháp nhằm hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên tổng số doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu ưu tiên bố trí kinh phí chi đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu các giải pháp hoàn thiện và nâng cao cơ sở hạ tầng cơ bản của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư, tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước nhằm thu hút, kêu gọi, kết nối các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào tỉnh.

### **4. Sở Công Thương**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu ban hành các chính sách, kế hoạch phát triển cụm công nghiệp góp phần tăng tỉ lệ các dự án đầu tư trên 1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động của địa phương.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh tham mưu các giải pháp nhằm nâng cao tỉ lệ các dự án đầu tư trong các Cụm công nghiệp trên 1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động của địa phương.

- Tham mưu các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hạ tầng các Cụm công nghiệp thuộc chỉ số Cơ sở hạ tầng cơ bản; phát triển dịch vụ logistics.

### **5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền

thông, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Chủ trì tham mưu các giải pháp phát triển chất lượng các sản phẩm OCOP, nâng cao số lượng sản phẩm OCOP trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã.

### **6. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách về chuyển đổi số.
- Tham mưu triển khai các giải pháp tiếp tục duy trì và nâng cao các chỉ số thành phần Hạ tầng ICT (gồm Hạ tầng số và Quản trị điện tử);
- Tham mưu các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hạ tầng viễn thông thuộc chỉ số Cơ sở hạ tầng cơ bản.

### **7. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu các giải pháp thực hiện tốt bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao Chỉ số thành phần “Quản trị Môi trường” thuộc chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh Việt Nam (PAPI).

### **8. Sở Tài chính**

Căn cứ dự toán được cấp thẩm quyền giao cho các đơn vị, hướng dẫn đơn vị thanh toán đúng quy định.

### **9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Tham mưu các giải pháp thực hiện nâng cao chỉ số thành phần “Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo”; “Tốc độ giảm nghèo” và “Số lao động có việc làm trong nền kinh tế”.

### **10. Sở Giao thông vận tải**

Tham mưu các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hạ tầng giao thông đường bộ thuộc chỉ số Cơ sở hạ tầng cơ bản.

### **11. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu thực hiện các giải pháp phát triển và thu hút nhân lực của tỉnh và nâng cao chỉ số cải cách hành chính.

### **12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các chương trình, kế hoạch, quy định chính sách phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch trên địa bàn tỉnh.

### **13. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

- Chủ trì tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Chủ trì tham mưu các giải pháp tổ chức thực hiện nhằm nâng cao tỉ lệ các dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên 1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động của địa phương; Tỉ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp, khu kinh tế trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp.

#### **14. Cục Thống kê tỉnh**

Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu phục vụ báo cáo Chỉ số PII tỉnh.

#### **15. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương tham mưu thực hiện các giải pháp nâng cao số lượng học sinh tham gia và chất lượng Hội thi sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng hằng năm trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu Tỉnh ủy và UBND tỉnh các giải pháp xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ và thu hút nhân lực khoa học công nghệ, đặc biệt là các nhà khoa học đầu ngành, làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chỉ số "Nhân lực nghiên cứu và phát triển (toàn thời gian) trên 10.000 dân".

#### **16. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Phước, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Phước**

Tham mưu triển khai các chính sách tín dụng trên địa bàn tỉnh phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao chỉ số thành phần về tín dụng cho khu vực tư nhân, vay tài chính vi mô.

#### **17. Công ty Điện lực Bình Phước**

Tham mưu các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hạ tầng điện thuộc chỉ số Cơ sở hạ tầng cơ bản.

#### **18. Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự**

Xây dựng các biện pháp nâng cao hoạt động quản lý nhà nước về an ninh trật tự, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi của công dân và thực thi pháp luật hiệu quả.

#### **19. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai có hiệu quả ở cấp địa phương đạt mục tiêu đề ra, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn chủ động tổ chức và có các giải pháp khuyến khích học sinh các cấp tích cực tham gia cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng hàng năm.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí theo phân cấp ngân sách; thực hiện lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn đối ứng của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định. Theo dõi, tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, chỉ tiêu giải pháp cụ thể của Kế hoạch (nếu có), báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

##### **2. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Xác định việc cải thiện, nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên; trực tiếp chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch này gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành, đơn vị, địa phương. Phân công đơn vị, cán bộ làm đầu mối thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện cải thiện chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị, địa phương quản lý.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này. Căn cứ nhiệm vụ được giao, bám sát nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện đối với từng chỉ số thành phần của Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương do cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện. Thời gian hoàn thành việc ban hành Kế hoạch: **trước ngày 15/01/2025**.

- Đẩy mạnh tuyên truyền việc cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương năm 2025 và các năm tiếp theo đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người dân để có sự nhìn nhận, đánh giá tốt hơn về nỗ lực của các cấp chính quyền trong việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Phối hợp kịp thời với Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp số liệu và tài liệu minh chứng để phục vụ tính toán Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 và các năm tiếp theo khi có yêu cầu.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực

hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị, địa phương kịp thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TTTU, TT HDND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh BP;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh BP;
- VPUB: LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**PHỤ LỤC I**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG LIÊN QUAN NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ**  
**THÀNH PHẦN TRONG CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG**  
**NĂM 2025 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)*

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
<b>1. Thể chế</b>	<b>1.1. Môi trường chính sách</b>				
	1.1.1. Chỉ số Chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế xã hội (STI)	<i>Nguồn: Địa phương cung cấp</i>	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.		Tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các chính sách thúc đẩy phát triển KHCN&ĐMST gồm: (1) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; (2) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; (3) Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; (4) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019); (5) Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ; (6) Chuyên đổi số; (7) Phát triển công nghệ cao, nông



Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
					<p>           nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (8) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề; (9) Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn; (10) Phát triển dịch vụ logistics; (11) Phát triển và thu hút nhân lực: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực của địa phương; (12) Phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch của địa phương; (13) Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.         </p>

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
	1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	[ <i>Nguồn: PCI-VCCI</i> ]	Sở KH&ĐT	Công an tỉnh, Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự, các sở, ngành, địa phương	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” thuộc PCI của tỉnh.
	1.1.3. Chính sách hỗ trợ DN nhỏ và vừa	[ <i>Nguồn: PCI-VCCI</i> ]	Sở KH&ĐT	Sở KH&CN, Sở TT&TT, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
<b>1.2. Môi trường kinh doanh</b>					
	1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường	[ <i>Nguồn: PCI-VCCI</i> ]	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các địa phương	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh.

<b>Trụ cột</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần</b>
	1.2.2. Tính năng động của chính quyền	[ <i>Nguồn: PCI-VCCI</i> ]	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các địa phương	
	1.2.3. Cải cách hành chính	[ <i>Nguồn: PAR Index-Bộ Nội vụ</i> ]	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các địa phương	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh.
	1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng	[ <i>Nguồn: PCI-VCCI</i> ]	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các địa phương	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh.
<b>2. Vốn con người và nghiên cứu</b>	<b>2.1. Giáo dục</b>				
	2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT	[ <i>Nguồn: Bộ GD&amp;ĐT</i> ]	Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tham mưu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực KHCN cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh.
	2.1.2 Tỷ lệ học sinh trung học tham gia các	[ <i>Nguồn: Địa phương cung cấp (Sở GD&amp;ĐT)</i> ];	Sở GD&ĐT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	

<b>Trụ cột</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần</b>
	cuộc thi nghiên cứu KH&KT				
	2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học	<i>[Nguồn: Bộ Tài chính và TCTK]; Sở Tài chính</i>	Sở Tài chính/Sở KH&ĐT	Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tham mưu nguồn kinh phí chi GD&ĐT từ ngân sách địa phương.
<b>2.2. Nghiên cứu và phát triển</b>					
	2.2.1. Nhân lực nghiên cứu và phát triển	<i>[Nguồn: Cục TTKH&amp;CNQG]</i>	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN)	Các sở, ngành, doanh nghiệp	Tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng cho nguồn nhân lực đặc biệt ưu tiên nguồn nhân lực nghiên cứu.
	2.2.2. Tỷ lệ chi cho KH&CN từ ngân sách địa phương/GRDP	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp] (Sở Tài chính)</i>	Sở Tài chính/Sở KH&ĐT	Sở KH&CN	Căn cứ nguồn vốn Trung ương phân bổ cho địa phương, tham mưu cấp thẩm quyền kinh phí thực hiện kế hoạch đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả ngân sách.
	2.2.3. Chi cho nghiên cứu KH&PT công nghệ GRDP (%)	<i>[Nguồn: Cục TTKH&amp;CNQG];</i>	Sở Tài chính/Sở KH&ĐT	Sở KH&CN	

<b>Trụ cột</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần</b>
	2.2.4. Số tổ chức KH&CN	<i>[Nguồn: Văn phòng đăng ký hoạt động KH&amp;CN và Địa phương cung cấp].</i>	Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.
<b>3. Cơ sở hạ tầng</b>	<b>3.1. Hạ tầng ICT</b>				
	3.1.1. Hạ tầng số	<i>[Nguồn: DTI - Bộ TT&amp;TT];</i>	Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT)	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Tiếp tục duy trì và nâng cao các thành phần thuộc Chỉ số Chuyển đổi số (DIT) do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và công bố.
	3.1.2. Quản trị điện tử	<i>[Nguồn: PAPI];</i>	Sở TT&TT; Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các địa phương	Tiếp tục duy trì và nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh.
<b>3.2. Cơ sở hạ tầng chung và môi trường sinh thái</b>					

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
	3.2.1. Cơ sở hạ tầng cơ bản (bao gồm hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, đường bộ, viễn thông và điện)	<i>[Nguồn: VCCI];</i>	Sở KH&ĐT/Sở TT&TT/Sở Giao thông Vận tải/Sở Công Thương/Ban Quản lý Khu kinh tế/Điện lực tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Tham mưu các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, hạ tầng viễn thông, giao thông đường bộ và điện lực
	3.2.2. Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch các khu công nghiệp	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp] (Ban Quản lý KTT)</i>	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.
	3.2.3. Quản trị môi trường	<i>[Nguồn: PAPI].</i>	Sở Tài nguyên và Môi trường		Tham mưu triển khai và thực hiện quyết liệt chiến lược bảo vệ môi trường,

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
					các giải pháp nhằm bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng nước và không khí trên địa bàn tỉnh.
<b>4. Trình độ phát triển của thị trường</b>	<b>4.1. Tài chính và đầu tư</b>				
	4.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân	[Nguồn: NHNNVN]	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao tín dụng cho khu vực tư nhân
	4.1.2. Vay tài chính vi mô	[Nguồn: NHCSXH]	Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao các khoản vay tài chính vi mô
	4.1.3. Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp	[Nguồn: TCTK]	Cục Thống kê	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục tăng vốn đầu tư hàng năm, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh
	4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính	[Nguồn: TCTK]	Cục Thống kê	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục tăng vốn đầu tư dài hạn, đẩy mạnh

<b>Trụ cột</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần</b>
	dài hạn của các doanh nghiệp				hoạt động sản xuất, kinh doanh
<b>4.2. Quy mô thị trường</b>					
	4.2.1. Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở KH&CN	Sở KH&ĐT, Ban Quản lý KKT, Sở Công Thương	Tham mưu các giải pháp nhằm tăng số lượng doanh nghiệp mới đăng ký hoạt động ngành dịch vụ KH&CN
	4.2.2. Mật độ doanh nghiệp	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở KH&ĐT/Sở Công Thương/Ban Quản lý Khu kinh tế/Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch		Tham mưu các giải pháp nhằm tăng số lượng doanh nghiệp mới đăng ký, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp
	4.2.3. Đóng góp vào GDP cả nước	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp]</i>	Sở KH&ĐT/Cục Thống kê	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Tham mưu các giải pháp nhằm nâng cao GRDP của tỉnh



Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
<b>5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp</b>	<b>5.1. Lao động có tri thức</b>				
	5.1.1. Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động	<i>[Nguồn: PCI-VCCI]</i>	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (LĐTB&XH)/Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Tham mưu các giải pháp nhằm tăng Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động
	5.1.2. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở LĐTB&XH	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Tham mưu các giải pháp nhằm tăng Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo
	5.1.3. Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)	<i>[Nguồn: TCTK;</i>	Sở KH&CN/Sở Công Thương/Ban Quản lý KKT		Tham mưu các giải pháp nhằm tăng tỉ lệ Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển
	<b>5.2. Liên kết sáng tạo</b>				
5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp];</i>	Sở KH&CN/Liên hiệp các Hội KHKT	Sở KH&ĐT, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Công Thương	Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động	

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
	5.2.2. Tỷ lệ dự án đang hoạt động trong các khu công nghiệp	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp]</i>	Sở KH&ĐT/Ban Quản lý Khu kinh tế/ Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch.		<p>dịch vụ khoa học và công nghệ</p> <p>- <i>Sở KH&amp;ĐT, Ban Quản lý Khu kinh tế</i>: Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.</p> <p>- <i>Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch</i>: Xây dựng Kế hoạch xúc tiến đầu tư, tổ chức các Hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.</p>
	5.2.3. Tỷ lệ các dự án trong các Cụm CN	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp]</i>	Sở KH&ĐT/Ban Quản lý Khu kinh tế/ Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch	UBND các huyện, thị xã, thành phố	<p>- <i>Sở KH&amp;ĐT, Ban Quản lý Khu kinh tế</i>: Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất</p>

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
					kinh doanh trong các cụm công nghiệp.  <i>Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch: Xây dựng Kế hoạch xúc tiến đầu tư, tổ chức các Hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.</i>
<b>5.3. Hấp thu trí thức</b>					
	5.3.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài	<i>[Nguồn: TCTK];</i>	Sở KH&ĐT	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch	Tham mưu các giải pháp tăng đầu tư trực tiếp của nước ngoài
	5.3.2. Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST	<i>[Nguồn: TCTK];</i>	Sở KH&ĐT/ Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Tham mưu các giải pháp tăng số lượng Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST
	5.3.3. Doanh nghiệp có chứng	<i>[Nguồn: Tổng cục TĐC].</i>	Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Tham mưu các giải pháp tăng số lượng Doanh

<b>Trụ cột</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần</b>
	chỉ ISO/tổng số DN				ngành có chứng chỉ ISO/tổng số DN
<b>6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ</b>	<b>6.1. Sáng tạo tri thức</b>				
	6.1.1. Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích	<i>[Nguồn: Cục SHTT]</i>	Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Tuyên tuyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.
	6.1.2. Đơn đăng ký giống cây trồng	<i>[Nguồn: Cục Trồng trọt]</i>	Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	
	<b>6.2. Tài sản vô hình</b>				
	6.2.1. Đơn đăng ký nhãn hiệu	<i>[Nguồn: Cục SHTT]</i>	Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Tuyên tuyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2023 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh
	6.2.2. Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể	<i>[Nguồn: Cục SHTT]</i>	Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	
	6.2.3. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp	<i>[Nguồn: Cục SHTT]</i>	Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
	6.2.4. Chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận	<i>[Nguồn: Cục SHTT]</i>	Sở KH&CN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	
<b>6.3. Lan tỏa tri thức</b>					
	6.3.1. Số doanh nghiệp mới thành lập	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở KH&ĐT/Cục Thống kê	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
	6.3.2. Số DN KH&CN và đủ điều kiện là DN KH&CN	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp]</i>	Sở KH&CN/Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp KH&CN.

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
	6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp]</i>	Sở KH&CN/Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.
<b>7. Tác động</b>	<b>7.1. Tác động đến sản xuất - kinh doanh</b>				
	7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở Công Thương/ Cục Thống kê	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Sở Công Thương</i>: Tham mưu giải pháp phát triển sản xuất các ngành công nghiệp.</li> <li>- <i>Cục Thống kê</i>: Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.</li> </ul>
	7.1.2. Chỉ số sản phẩm OCOP	<i>[Nguồn: Địa phương cung cấp];</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT)	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố,	Tham mưu các chính sách phát triển số lượng và chất lượng các sản phẩm OCOP.

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
				đơn vị liên quan	
	7.1.3. Giá trị xuất khẩu	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở Công Thương/ Cục Hải quan tỉnh.	Cục Thống kê tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	<p>- <i>Sở Công Thương</i>: Tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số; mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm chủ lực chủ tỉnh.</p> <p>- <i>Cục Hải quan tỉnh</i>: hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp; tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.</p>
	7.1.4. Tốc độ tăng năng suất lao động	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở KH&ĐT/Cục Thống kê	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	<p>- <i>Sở KH&amp;ĐT</i>: tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số;</p> <p>- <i>Cục Thống kê</i>: Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.</p>

Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
<b>7.2. Tác động đến kinh tế - xã hội</b>					
	7.2.1. Tốc độ giảm nghèo	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở LĐTB&XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	Tham mưu các giải pháp nâng cao tốc độ giảm nghèo.
	7.2.2. Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở LĐTB&XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	Tham mưu các giải pháp nâng cao Số lao động có việc làm trong nền kinh tế.
	7.2.3. Thu nhập bình quân đầu người	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Cục Thống kê	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	



Trụ cột	Chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện, nâng cao các chỉ số thành phần
	7.2.4. Chỉ số phát triển con người	<i>[Nguồn: TCTK]</i>	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan	Tham mưu các giải pháp phát triển con người toàn diện phù hợp với thời đại mới.

**PHỤ LỤC II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ VÀ NGUỒN DỮ LIỆU PHỤC VỤ XÂY DỰNG**  
**CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

**1. Các trụ cột của Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024**

Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 có 52 chỉ số, chia làm 7 trụ cột bao gồm:

- 05 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cụ thể:

+ Trụ cột 1. Thể chế gồm hai nhóm chỉ số 1.1. Môi trường chính sách (có 3 chỉ số thành phần) và 1.2. Môi trường kinh doanh (có 4 chỉ số thành phần).

+ Trụ cột 2. Vốn con người và nghiên cứu gồm hai nhóm chỉ số 2.1. Giáo dục (có 3 chỉ số thành phần) và 2.2. Nghiên cứu và phát triển (có 4 chỉ số thành phần).

+ Trụ cột 3. Cơ sở hạ tầng gồm hai nhóm chỉ số 3.1. Hạ tầng ICT (có 2 chỉ số thành phần) và 3.2. Hạ tầng chung và môi trường sinh thái (có 3 chỉ số thành phần).

+ Trụ cột 4. Trình độ phát triển của thị trường gồm hai nhóm chỉ số 4.1. Tài chính và đầu tư (có 4 chỉ số thành phần) và 4.2. Quy mô thị trường (có 3 chỉ số thành phần).

+ Trụ cột 5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp gồm ba nhóm chỉ số 5.1. Lao động có tri thức (có 3 chỉ số thành phần); 5.2. Liên kết sáng tạo (có 3 chỉ số thành phần) và 5.3. Hấp thu tri thức (có 3 chỉ số thành phần).

- 02 trụ cột đầu ra phản ánh kết quả tác động của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

+ Trụ cột 6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ gồm ba nhóm chỉ số 6.1. Sáng tạo tri thức (có 2 chỉ số thành phần), 6.2. Tài sản vô hình (có 4 chỉ số thành phần), 6.3. Lan tỏa tri thức (có 3 chỉ số thành phần).

+ Trụ cột 7. Tác động có hai nhóm chỉ số gồm 7.1. Tác động đến sản xuất - kinh doanh (có 4 chỉ số thành phần) và 7.2. Tác động đến kinh tế - xã hội (có 4 chỉ số thành phần).

**2. Nguồn dữ liệu phục vụ xây dựng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024**

Nguồn dữ liệu phục vụ xây dựng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 được lấy từ hai nguồn chính. Nguồn thứ nhất từ số liệu thống kê, quản lý nhà nước được công bố chính thức từ các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức ở Trung

ương (có 39/52 chỉ số) và nguồn thứ hai do các địa phương thu thập và cung cấp, kèm theo các tài liệu minh chứng, trong đó có 13/52 chỉ số do địa phương thu thập và cung cấp dữ liệu như sau:

- Chỉ số 1.1.1: Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các chương trình/kế hoạch, chính sách về: (1) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa (thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020); (2) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ (Các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật liên quan khác); (3) Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp (thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 theo Quyết định 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ); (4) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020, thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019); (5) Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ (thực hiện Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021); (6). Chuyển đổi số (thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020); (7) Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (thực hiện Luật Công nghệ cao); (8) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; quản lý, phát triển cụm công nghiệp); (9) Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số); (10) Phát triển dịch vụ logistics (thực hiện Quyết định 221/QĐ-TTg năm 2021 và Quyết định 200/QĐ-TTg năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025); (11) Phát triển và thu hút nhân lực: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực của địa phương; (12) Phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch của địa phương; (13) Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; (14) Các văn bản chính sách khác có liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn lực mà chưa được liệt kê theo các lĩnh vực ở trên (nếu có).

- Chỉ số 2.1.2. Tỷ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trên tổng số học sinh trung học (%): Thực hiện khảo sát tại các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ số 2.1.3. Chi cho giáo dục và đào tạo bình quân 1 người đi học (triệu đồng): Báo cáo Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi năm 2023 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt

(Biểu số 64/CK-NSNN ban hành theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC:

- Cột Quyết toán (4=5+6)
- Mục A. Chi cân đối ngân sách địa phương, Điểm I. Chi đầu tư phát triển; Dòng - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề
- Điểm II. Chi thường xuyên, dòng 1. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề.
- Mục Tổng chi NSDP (dòng đầu tiên).

- Chỉ số 2.2.2: Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP (%): Báo cáo Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi năm 2023 của UBND tỉnh/thành phố trình HĐND phê duyệt

(Biểu số 64/CK-NSNN ban hành theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC:

- + Cột Quyết toán (4=5+6)
- + Mục A. Chi cân đối NSDP, Điểm I. Chi đầu tư phát triển; Dòng - Chi khoa học và công nghệ
- + Điểm II. Chi thường xuyên, Dòng 2. Chi khoa học và công nghệ
- + Mục Tổng chi NSDP (dòng đầu tiên)).
- Chỉ số 2.2.4: Số tổ chức KH&CN /10.000 dân

Thống kê: Tổ chức KH&CN; dân số tỉnh Bình Phước.

- Chỉ số 3.2.2: Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp

Báo cáo của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển năm 2023; Bản sao Báo cáo của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh.

- Chỉ số 4.2.3. Đóng góp trong GDP cả nước (%): Dữ liệu 2023.
- Chỉ số 5.2.1: Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp

Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án của các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ KH&CN - Phụ biểu F01-02/BCQT ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

$Tkp_i$  là tổng kinh phí nhiệm vụ KHCN của địa phương  $i =$  Tổng số kinh phí được duyệt toàn dự án/chương trình nêu tại phần các chỉ tiêu chung của Báo cáo.  $kph_i$  là tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN do tổ chức KHCN và doanh nghiệp cùng thực hiện tại địa phương  $i =$  tổng số kinh phí đã chi lũy kể từ khi khởi đầu (cột 5) của Mục II. Chi tiết chi theo mục lục NSNN đối với các nhiệm vụ hợp tác giữa tổ chức KHCN và doanh nghiệp (tên nhiệm vụ ghi tại cột “Nội dung chi”).

Danh sách và Bản sao Hợp đồng và thuyết minh của các nhiệm vụ KHCN có hợp tác giữa tổ chức KHCN và doanh nghiệp đang thực hiện; Bản sao Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án do Sở KHCN tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Chỉ số 5.2.2. Số dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động của địa phương

Báo cáo của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển năm 2023; Bản sao Báo cáo của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước.

Số lượng doanh nghiệp trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước báo cáo.

- Chỉ số 5.2.3: Số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp/1.000 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo đang hoạt động trên địa bàn địa phương

Báo cáo tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh của Sở Công thương gửi UBND tỉnh, Cục Công thương địa phương theo Biểu mẫu 04 - Phụ lục 1 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 - Mục III. Hoạt động của các cụm công nghiệp, dòng số 30 – Tổng số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp, đơn vị: Dự án (theo quy định, định kỳ ngày 31/7 và tháng 01 năm sau, Sở Công thương báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm).

- Chỉ số 6.3.2: Số doanh nghiệp KHCN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KHCN /1000 doanh nghiệp

Doanh nghiệp KHCN; Doanh nghiệp được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp, bản quyền giống cây trồng; Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp

ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ sinh học; Doanh nghiệp đạt giải thưởng sáng tạo KHCCN cấp tỉnh trở lên. Dữ liệu tính đến tính đến ngày 31/12/2023.

- Chỉ số 6.3.3: Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/ tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương

Danh sách các doanh nghiệp, dự án tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ tính đến ngày 31/12/2023.

- Chỉ số 7.1.2: Số lượng sản phẩm OCOP/ tổng số đơn vị hành chính cấp xã

Số lượng sản phẩm OCOP; Số đơn vị hành chính cấp xã; Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi UBND tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2023.

Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tính đến ngày 31/12/2023.